

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 -8 -2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Lê Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Tống Mạnh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông dựa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh H và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng nên anh H và chị T không còn chung sống từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, anh H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Hoàng Thị T.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T có 03 con chung là Nguyễn Trọng Đại B, sinh ngày 19/7/2009, Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 21/02/2012, Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 25/7/2018. Anh H có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con đến tuổi trưởng thành. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị T, tuy nhiên chị T đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải; tại phiên tòa, chị T vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng anh Nguyễn Văn H chấp hành đúng quy định của pháp luật, chị Hoàng Thị T không chấp hành các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tuyên xử anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Trọng Đại B, sinh ngày 19/7/2009, Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 21/02/2012, Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 25/7/2018 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn chị Hoàng Thị T có nơi cư trú tại buôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn không có mặt nên Tòa

án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T kết hôn ngày 20/4/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắc Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H, sau khi kết hôn vợ chồng anh H và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, lối sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Anh H không còn tình cảm với chị T. Anh H thừa nhận vợ chồng đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi các con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại Buôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi anh H và chị T sinh sống cho biết: Chị T không còn sinh sống cùng với anh H, mâu thuẫn vợ chồng của anh H và chị T chính quyền không nắm được có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của anh H và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H là có cơ sở nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T có 03 con chung là Nguyễn Trọng Đại B, sinh ngày 19/7/2009, Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 21/02/2012, Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 25/7/2018. Anh H có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu của anh H được nuôi 03 con chung Nguyễn Trọng Đại B, Nguyễn Hoàng Bảo T, Nguyễn Hoàng Bảo A nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T nhiều lần nhưng chị T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Do anh H và chị T không thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Theo quy định tại: Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “2.

Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...” cháu Nguyễn Trọng Đại B, sinh ngày 19/7/2009 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 21/02/2012 thuộc trường hợp từ đủ 07 tuổi trở lên nên Tòa án đã xem xét nguyện vọng của các cháu, tiến hành lấy lời khai thì các cháu có nguyện vọng được sống cùng cha là anh Nguyễn Văn H, thực tế từ thời điểm vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2020 cho đến nay anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Mặt khác anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 03 con chung là Nguyễn Trọng Đại B, Nguyễn Hoàng Bảo T, Nguyễn Hoàng Bảo A cho anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Anh H không yêu cầu chị Tứ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Anh H, chị T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Trọng Đại B, sinh ngày 19/7/2009, Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 21/02/2012, Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 25/7/2018 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Hoàng Thị T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn anh H, chị T có các quyền, nghĩa vụ theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004067 ngày 04/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi